

LUYỆN TẬP VẬN DỤNG CÁC HÌNH THỨC KẾT CẤU VĂN BẢN THUYẾT MINH

KẾT QUẢ CẦN ĐẠT

- *Củng cố hiểu biết về một số hình thức kết cấu văn bản thuyết minh.*
- *Biết vận dụng kiến thức đã học để làm văn bản thuyết minh.*

1. Đọc và phân tích hình thức kết cấu của các văn bản sau :

CHU VĂN AN – NHÀ SƯ PHẠM MẪU MỤC

[...] Chu Văn An tên tự là Linh Triệt, tên hiệu là Tiểu Ẩn⁽¹⁾, người làng Văn Thôn, xã Quang Liệt, huyện Thanh Đàm (nay là huyện Thanh Trì, Hà Nội), sinh năm Nhâm Thìn (1292) và mất năm Canh Tuất (1370).

(1) *Tiểu Ẩn* : người ở ẩn hái củi.

Chu Văn An từ hồi còn trẻ đã nổi tiếng là một người cương trực, sửa mình trong sạch, giữ tiết tháo⁽¹⁾, không cầu danh lợi, chỉ ở nhà đọc sách. Sau khi thi đỗ Thái học sinh, ông không ra làm quan, mà trở về mở trường dạy học ở quê nhà. Học trò nhiều nơi tìm đến theo học rất đông. Trong số môn đệ⁽²⁾ của ông có nhiều người thành đạt, thi đỗ, làm quan to trong triều như Phạm Sư Mạnh, Lê Quát... Tính nghiêm nghị, tư cách thanh cao và học vấn sâu rộng làm cho tiếng tăm ông ngày càng lan xa, học trò đến theo học ngày càng nhiều và có đủ các loại. Tương truyền trong số đó có cả Thần Nước theo học, sau giúp dân trừ hạn hán.



Chu Văn An
(Phạm Công Thành vẽ)

Đến đời vua Trần Minh Tông, ông được mời vào làm Tư nghiệp⁽³⁾ ở Quốc Tử Giám để dạy thái tử học. Ông đã cùng với Mạc Đĩnh Chi, Phạm Sư Mạnh, Nguyễn Trung Ngạn tham gia vào công việc củng cố triều đình lúc đó đang đi vào con đường suy thoái. Đến đời Dụ Tông, chính sự ngày càng thối nát, bọn gian thần nổi lên khắp nơi. Chu Văn An nhiều lần can ngăn Dụ Tông không được, bèn dâng sớ xin chém bảy kẻ nịnh thần đều là người quyền thế được vua yêu. Đó là *Thất trảm sớ* nổi tiếng trong lịch sử. Nhà vua không nghe, ông bèn treo mũ bỏ quan về ở ẩn tại núi Phụng Sơn thuộc làng Kiệt Đặc, huyện Chí Linh, tỉnh Hải Dương, lấy hiệu là Tiểu Ẩn. Sau ông mất tại đó.

Theo thư tịch cũ thì Chu Văn An viết nhiều sách, nhưng hầu hết đã mất, chỉ còn lại tên tác phẩm : *Quốc ngữ thi tập* bằng chữ Nôm và *Tiểu Ẩn thi tập* bằng chữ Hán. Ông còn viết một cuốn sách tóm tắt về *Tứ thư* nhan đề *Tứ thư thuyết ước*.

(1) *Tiết tháo* : khí tiết vững vàng, không chịu khuất phục.

(2) *Môn đệ* : học trò.

(3) *Tư nghiệp* : chức quan dạy học ở Quốc Tử Giám.

Theo một tài liệu nghiên cứu gần đây thì Chu Văn An còn là một nhà Đổng y. Khi ông mất, vua Trần đã dành cho ông một vinh dự lớn bậc nhất đối với một trí thức là được thờ ở Văn Miếu. Vua còn ban tặng tên thụy cho ông là Văn Trinh. Ngô Thế Vinh, nhà văn học nổi tiếng thế kỉ XIX trong bài văn bia ở đền Phương Sơn đã giải thích nghĩa hai chữ "Văn Trinh" như sau : "Văn, đức chi biểu dã ; Trinh, đức chi chính cố dã" (*Văn* là biểu hiện bề ngoài (thuần nhất) của đức ; *Trinh* là sự chính trực, kiên định của đức). Tên thụy như vậy nhằm biểu dương một người đã kết hợp được hai mặt của đạo đức : bên ngoài thuần nhã, hiền hoà với bên trong chính trực, kiên định. Trong lịch sử giáo dục nước nhà, ông cũng giành được địa vị cao quý, xứng đáng đứng đầu các nhà giáo từ xưa tới nay. Ông đã vượt qua ngưỡng *người làm thầy giáo giỏi của một đời* để đạt tới *người làm thầy giáo giỏi của muôn đời* như Phan Huy Chú đã ngợi ca.

Ngày nay, để tưởng nhớ tới đạo đức và sự nghiệp của ông, nhân dân Thủ đô đã lấy tên ông để đặt tên cho một đường phố và một trường trung học lớn của Hà Nội. Đó là phố Chu Văn An và Trường Trung học phổ thông Chu Văn An.

(Theo Đặng Kim Ngọc, *Văn hoá Việt Nam*,
NXB Văn hoá Văn nghệ - Trung ương, Hà Nội, 1959)

RA-MA-YA-NA

"*Ra-ma-ya-na* là thiên sử thi vĩ đại của Ấn Độ, ra đời vào quãng hai, ba trăm năm trước Công nguyên. Theo truyền thuyết thì truyện này do thần Na-ra-đa kể lại cho đạo sĩ Van-mi-ki rồi nhờ nguồn cảm hứng đặc biệt và trí nhớ kì lạ mà Van-mi-ki thuật lại câu chuyện đó bằng văn vần cho các môn đệ của mình. Trên thực tế, thiên sử thi này đã được lưu truyền trong dân gian từ đời này qua đời khác, qua sự gọt giũa của biết bao thi sĩ vô danh, không còn là nguyên bản của Van-mi-ki nữa. Tác phẩm viết bằng tiếng Xăng-co-rít, gồm bảy cuốn, có 500 đoạn và 24 000 câu thơ đôi (slô-ka), về sau được chia thành mười hai cuốn. Cuốn thứ mười hai là phụ bản do người đời sau thêm vào. Phụ bản này thêm một số đoạn kết để tăng sự bi thảm và gây xúc động cho người đọc.

Truyện kể rằng vua nước Kô-sa-la không có con trai, phải làm lễ cầu tự. Thần Vi-snu xuống đầu thai, trở thành Ra-ma là người con cả. Nhân qua nước Vi-đê-ha du ngoạn, gặp dịp vua nước này làm lễ kén rể, Ra-ma thi tài và đã thắng,

cưới công chúa Xi-ta xinh đẹp làm vợ. Hai người sống với nhau rất hạnh phúc. Chẳng bao lâu, vua cha muốn nhường ngôi lại cho con cả, nhưng thứ phi là mẹ của Bha-ra-ta tìm cách ngăn cản, xúi nhà vua đẩy Ra-ma vào rừng sâu và truyền ngôi lại cho con mình. Mặc dầu Bha-ra-ta khẩn khoản mời Ra-ma ở lại ngôi vua, nhưng chàng không muốn làm trái ý cha, nên dất vợ và em trai là Lắc-ma-na vào sống trong rừng mười bốn năm trời. Sống trong rừng sâu, hai anh em Ra-ma phải chống chọi với bọn quỷ sứ để bảo vệ các ẩn sĩ. Ác liệt nhất là cuộc chiến đấu với chúa quỷ Ra-va-na cai quản xứ Lan-ka. Sau khi quỷ cái Xu-rơ-pa-na-kha tìm cách khêu gợi tình dục với anh em Ra-ma không được, mẹ ta báo với anh là quỷ vương Ra-va-na đến trả thù. Ra-va-na sai mẹ phù thủy Ma-ri-cha hoá phép thành con nai vàng xinh đẹp chạy nhón như trước mặt Xi-ta. Xi-ta thích thú bèn yêu cầu Ra-ma bắt con nai ấy cho nàng chơi. Thừa lúc hai anh em Ra-ma đuổi bắt nai đi xa, quỷ vương Ra-va-na giả dạng một đạo sĩ Bà La Môn đến lừa nàng, rồi bắt nàng đem về Lan-ka. Ra-va-na dụ dỗ nàng làm vợ nhưng nàng chống cự. Anh em Ra-ma trở về không thấy Xi-ta đâu, tìm kiếm khắp nơi. Nhờ vua khỉ Ha-nu-man giúp sức, Ra-ma đến kinh thành Lan-ka, giết được Ra-va-na, cứu Xi-ta. Nhưng Ra-ma bỗng nói con ghen vì chàng không muốn nhận người vợ đã sống chung với quỷ sứ. Thất vọng, đau khổ, Xi-ta nhảy vào lửa tự thiêu, may có Thần Lửa A-nhi chứng giám lòng chung thủy của nàng, cứu thoát. Ra-ma sung sướng đón nhận Xi-ta và cùng em trai dất nhau về kinh đô. Cả đô thành mừng vui đón vua và hoàng hậu trở về. Từ đó đất nước Kô-sa-la sống thái bình và yên vui hơn xưa.

Rồi một hôm Ra-ma nghe dư luận cho rằng nhà vua dung tha loại đàn bà đã mất đức tính thủy chung. Ra-ma lại nói con ghen, đuổi Xi-ta lên rừng. Xi-ta đau đớn khóc lóc ra đi trong lúc đang thai nghén. Mười năm sau, trong một lễ hội lớn ở đô thành, có hai em bé tên là Ku-sa và La-va đi đến đâu cũng hát bài hát kể lại cuộc đời và kì tích của chàng Ra-ma, lòng chung thủy, nỗi khổ đau của nàng Xi-ta, làm cho mọi người cảm động. Ra-ma gọi hai đứa bé vào cung hỏi mới biết đó là hai con mình được sinh ra và lớn lên trong rừng. Ra-ma đau buồn, hối hận bèn gọi Xi-ta trở về kinh thành, nhưng nàng đã trở về với mẹ Đất. Ra-ma đau đớn xin Thần Đất trả nàng lại, nhưng thần Bà La Môn hiện ra an ủi và cho biết chàng sẽ được gặp lại nàng ở cõi Trời. Ít lâu sau, Ra-ma nhường lại vương quốc cho hai con và về Trời, trở lại với bản thân nguyên thủy là Vi-snu – Thần Bảo vệ của vũ trụ.

Hoàng tử Ra-ma, nhân vật chính trong truyện là thân giáng thế làm người để cứu vớt nhân loại ra khỏi vòng chiến tranh đau khổ và tội lỗi. Ra-ma là con người lí tưởng của đạo Hin-đu và đẳng cấp quý tộc, nhưng Ra-ma lại tượng trưng cho những đức tính tài trí, anh minh, đức độ, có lòng yêu tha thiết phù hợp với nguyện vọng và yêu cầu của nhân dân trong xã hội chiếm hữu nô lệ và phong kiến. Vì vậy nhân dân Ấn Độ từ đời này qua đời khác luôn ca ngợi tác phẩm : "Chùng nào sông chưa cạn, đá chưa mòn thì *Ra-ma-ya-na* còn làm say mê lòng người và cứu họ ra khỏi vòng tội lỗi". Sử thi *Ra-ma-ya-na* không những có ảnh hưởng sâu rộng ở Ấn Độ mà còn được lưu truyền ở nhiều nước Đông Nam Á. Có nước đã mượn cốt truyện này để sáng tác nên những thiên sử thi mang màu sắc dân tộc phong phú và độc đáo".

(Theo Lưu Đức Trung,

*Tác gia, tác phẩm văn học nước ngoài
trong nhà trường, NXB Giáo dục, 2000)*

2. Xác định hình thức kết cấu cho bài văn thuyết minh về :

- Một tác gia văn học.
- Một tác phẩm văn học.